

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

MORRIS S1 P

Giày an toàn có trách đá mái
Mỗi cặp chứa 10 đến 12 chai nhựa tái chế
này làm cho Morris
thành một trong những đôi giày an toàn thân môi
có. Dây buộc, dây và phần gia cố gót chân được làm từ
100% nhựa tái chế
tái có thể tháo làm

CO2
4.81 kg



BLK

Những vật liệu cao cấp hơn kim tái chế (50% tái chế), lưới	
lót bên trong	i tái chế lưới
trong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa	ế g i không dệt vả
ngoài	Đ Philon/cao su
u	Đứng đầ Nanocarbon
i	Loạ S1 P / SRC, ESD
	Phạm vi kích thước EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0 JPN 21.5-31 / KOR 230-310
ng lượng thép	0.448 kg
ẩn hiệu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2011

Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng
cho các chuyên gia giày.

SRC
rước là một trong những tính năng quan trọng của giày bảo hộ SRC. Để đạt được
SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.

Trọng lượng nhẹ chống **đâm** thủng
100% này không

SJ BỘ
lót chân chống tĩnh
văn, dẫn hướng và hấp thụ sốc
gót chân và bàn

X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn
100 KiloOhm và 100 MegaOhm.

lưới
cách
chỉnh nhiệt độ và độ
ẩm t

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
lĩnh vự c ô tô, Biên tcầp , Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
rư ờn mộikhô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách hàm nhiệ Không trên lò s

K

Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l diệu t **kim tái** ch ế **(50% tái** ch i **tái**, th ướ ế **cao** cấp h ơn					
Top: khả năng ntấm ớ h ơ	? 0.8		41.9	ờ	mg/cm/g
Top: h nụ số h ơ	? 15		336		mg/cm2
ót bên trong i **tái** th ướ ế					
L ớp lót: ntấm ớ h ơ	? 2		50.4	ờ	mg/cm/g
lót: h nụ số h ơ	? 20		403		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ **Philon/cao su**					
Ch ố n g trơn trượt ế ngoài (	? 150		96.8		mm
a đế ngoài SRA- gót chân	? 0.28		0.43		ma sát
a đế ngoài SRA- Phầ t g	? 0.32		0.42		ma sát
a đế ngoài SRB- gót chân	? 0.13		0.14		ma sát
ộc đế ngoài SRB- phầ n g	? 0.18		0.18		ma sát
ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		N/A		megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100		55		megaohm
Hấp thụ năng l đ gót chân ủ	? 20		22.3		J
Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**					
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		16.0		mm
Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		19.5		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, khôn có t thayên và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản ủ

hân sinh thái:
Đặ

Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO phát** thả				
V ật l iệu		2.53		kg
Bao bì		0.12		kg
ất Sản x u		1.90		kg
Chuyên ch ở		0.26		kg
		4.81 kg CO2/ cặp		

Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
Product		29%	
Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.